

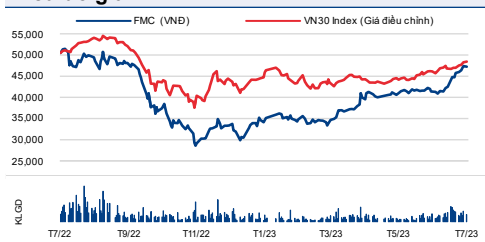
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ46,500
Tiềm năng tăng/giảm: -1.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/7/2023)	47,200
Mã Bloomberg	FMC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,587-51,647
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	47,283
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	3,086
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	131
Slg CP lưu hành (tr.đv)	65.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	32.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	12.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	30.3%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	CT CP tập đoàn PAN (37.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	5,702	5,850	6,324
EBITDA đc (tỷ đồng)	401	497	589
LNTT (tỷ đồng)	328	403	448
LNT ĐC (tỷ đồng)	308	377	419
FCF (tỷ đồng)	(3.48)	(165)	478
EPS ĐC (đồng)	4,703	5,770	6,404
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	29,423	33,193	37,596
T.trưởng EBITDA (%)	14.1	23.9	18.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	15.2	22.7	11.0
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.03	8.49	9.31
Tỷ suất LNTT (%)	5.76	6.89	7.08
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.39	6.45	6.62
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.5	34.7	31.2
Nợ thuần/VCSH (%)	(2.52)	5.99	(11.9)
ROAE (%)	16.6	18.4	18.1
ROACE (%)	15.1	17.4	17.3
EV/doanh thu (lần)	0.53	0.55	0.44
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.53	6.45	4.72
P/E ĐC (lần)	10.0	8.18	7.37
P/B (lần)	1.60	1.42	1.26
Lợi suất cổ tức (%)	4.24	4.24	4.24

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FMC là doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn thứ 3 Việt Nam, tập trung vào phân khúc hàng chất lượng cao và chế biến sâu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD 6 tháng sát dự báo

- Lợi nhuận thuần Q2/2023 giảm 37,6% xuống còn 71 tỷ đồng và doanh thu thuần giảm 26,8% xuống còn 1.000 tỷ đồng do nhu cầu tại các thị trường chủ chốt yếu.
- Doanh thu thuần 6 tháng đạt 1.954 tỷ đồng (giảm 26,3%) và lợi nhuận thuần đạt 124 tỷ đồng, giảm 25,8%. Kết quả này khá sát với dự báo của HSC.
- Giá cổ phiếu FMC đã tăng 13,9% và 19,5% trong 1 và 3 tháng qua. Theo đó, hiện FMC có P/E trượt dự phóng 1 năm là 7,7 lần; cao hơn một chút so với bình quân từ tháng 1/2019 ở mức 7,3 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2023

FMC đã công bố KQKD Q2/2023 với lợi nhuận thuần đạt 71 tỷ đồng (giảm 37,6% so với cùng kỳ) và doanh thu đạt 1.033 tỷ đồng (giảm 26,8% so với cùng kỳ). Doanh thu và lợi nhuận thuần giảm chủ yếu vì lượng xuất khẩu cả tôm và nông sản giảm.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần đạt 1.954 tỷ đồng (giảm 26,3% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 124 tỷ đồng (giảm 25,6% so với cùng kỳ). Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2023 sát kỳ vọng, lần lượt bằng 34,9% và 30,4% dự báo của HSC cho cả năm 2023.

Doanh thu xuất khẩu tôm Q2/2023 giảm đáng kể

Doanh thu xuất khẩu tôm Q2/2023 đạt 1.000 tỷ đồng, giảm 26,4% so với cùng kỳ và đóng góp 97% vào tổng doanh thu thuần. Trong đó, lượng xuất khẩu đạt 3.334 tấn, giảm 30,7% so với cùng kỳ trong khi giá bán bình quân tăng nhẹ 6,2% so với cùng kỳ đạt 300 triệu đồng/tấn. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 7% so với 10,5% trong Q2/2022.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu xuất khẩu tôm đạt 1.954 tỷ đồng, giảm 26,3% so với cùng kỳ và đóng góp 96% vào tổng doanh thu. Lượng xuất khẩu đạt 6.709 tấn, giảm 30,2% so với cùng kỳ trong khi giá bán bình quân tăng nhẹ 5,6% so với cùng kỳ. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 7,2% so với 9,7% trong 6 tháng đầu năm 2022.

Lượng xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2023 kém vì nhu cầu thế giới yếu.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2023 và 6 tháng đầu năm 2023, FMC

Tỷ đồng	Q2/22	Q2/23	% y/y	6T22	6T23	% y/y	Đạt dự báo HSC
Doanh thu thuần	1,411	1,033	-26.8%	2,739	2,041	-25.5%	34.9%
Giá vốn hàng bán	1,246	945	-24.1%	2,456	1,873	-23.7%	
Lợi nhuận gộp	165	88	-47.0%	282	168	-40.5%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	11.7%	8.5%	0.0%	10.3%	8.2%		
TN tài chính thuần	2	1	-20.7%	12	11	-10.4%	
Chi phí BH&QL	(50)	(12)	-76.8%	(133)	(51)	-62.0%	
Chi phí BH&QL / doanh thu (%)	3.6%	1.1%	0.0%	4.9%	2.5%		
Thu nhập thuần khác	1	0	-74.6%	2	0	-84.3%	
LNTT	118	78	-34.1%	163	128	-21.3%	
Lợi nhuận thuần	114	71	-37.6%	155	115	-25.8%	30.4%

Nguồn: FMC

Xuất khẩu nông sản cũng giảm một nửa

Doanh thu xuất khẩu nông sản Q2/2023 đạt 33 tỷ đồng. Trong đó, lượng xuất khẩu giảm 40,4% so với cùng kỳ còn 293 tấn trong khi giá bán bình quân giảm 37,2% so với cùng kỳ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu xuất khẩu nông sản đạt 88 tỷ đồng, giảm 28,2% so với cùng kỳ. Lượng xuất khẩu giảm 19,2% so với cùng kỳ còn 705 tấn, trong khi giá bán bình quân giảm 11,2% so với cùng kỳ.

Chi phí vận chuyển giảm giúp giảm chi phí bán hàng & quản lý

Chi phí bán hàng Q2/2023 âm 9,5 tỷ đồng so với 28,4 tỷ đồng trong Q2/2022 vì (1) chi phí vận chuyển giảm 71% nhờ giá cước giảm và (2) hoàn nhập 48 tỷ đồng thuế chống bán phá giá (tăng 9% so với cùng kỳ). Trong khi đó, chi phí quản lý là 21 tỷ đồng, giảm 3,8% so với cùng kỳ. Theo đó, chi phí bán hàng & quản lý giảm mạnh 76,8% so với cùng kỳ xuống chỉ còn 12 tỷ đồng.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, chi phí bán hàng là 14 tỷ đồng, giảm 85% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ chi phí vận chuyển giảm 70,5% so với cùng kỳ xuống còn 29 tỷ đồng (từ 97 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2022). Chi phí bán hàng & quản lý giảm xuống 50 tỷ đồng, giảm 62% so với cùng kỳ. Theo đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu là 2,5% so với 4,9% trong 6 tháng đầu năm 2022

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh Q2/2023 và 6 tháng đầu năm 2023, FMC

Tỷ đồng	Q2/22	Q2/23	% y/y	6T22	6T23	% y/y
Doanh thu tôm	1,359	1,000	-26.4%	2,651	1,954	-26.3%
Sản lượng (tấn)	4,810	3,334	-30.7%	9,617	6,709	-30.2%
Giá bán bình quân (nghìn đồng/kg)	282	300	6.2%	276	291	5.6%
Doanh thu sp rau củ	87	33	-62.6%	122	88	-28.2%
Sản lượng (tấn)	491	293	-40.4%	872	705	-19.2%
Giá bán bình quân (nghìn đồng/kg)	178	112	-37.2%	140	124	-11.2%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)						
Tôm	10.5%	7.0%		9.7%	7.2%	
SP rau củ	64.9%	53.6%		49.7%	30.5%	

Nguồn: FMC

HSC đang xem xét khuyến nghị và giá mục tiêu

Giá cổ phiếu FMC đã tăng 13,9% và 19,5% trong 1 và 3 tháng qua, nhiều khả năng dựa trên kỳ vọng doanh thu xuất khẩu Q2/2023 cải thiện so với Q1/2023 khi các nền kinh tế chủ chốt hồi phục. Theo đó, hiện FMC có P/E trượt dự phóng 1 năm là 7,7 lần; cao hơn 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2019 ở mức 7,3 lần.

Doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 giảm 25,5% từ đỉnh thiết lập trong năm 2022 nhưng vẫn sát dự báo của HSC. Chúng tôi thấy rằng nửa cuối năm 2023 sẽ là thời gian cao điểm xuất khẩu thủy sản nhờ nhu cầu tăng trước các dịp lễ lớn tại các thị trường chủ chốt. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	5,199	5,702	5,850	6,324	6,837
Lợi nhuận gộp	529	628	698	768	841
Chi phí BH&QL	(264)	(321)	(306)	(331)	(358)
Thu nhập khác	3.20	5.10	0	0	0
Chi phí khác	(0.01)	(0.49)	0	0	0
EBIT	268	311	392	437	483
Lãi vay thuần	20.8	16.9	11.0	10.3	9.91
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	289	328	403	448	493
Chi phí thuế TNDN	(1.87)	(8.91)	(11.3)	(12.5)	(13.8)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(20.1)	(12.0)	(14.7)	(16.3)	(18.0)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	267	308	377	419	461
Lợi nhuận thuần ĐC	267	308	377	419	461
EBITDA ĐC	351	401	497	589	634
EPS (đồng)	4,084	4,703	5,770	6,404	7,049
EPS ĐC (đồng)	4,084	4,703	5,770	6,404	7,049
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	770	585	698	1,124	1,653
Đầu tư ngắn hạn	24.8	11.1	22.1	44.3	88.6
Phải thu khách hàng	377	280	392	427	453
Hàng tồn kho	941	929	1,229	1,265	1,231
Các tài sản ngắn hạn khác	37.7	71.7	51.8	60.5	70.6
Tổng tài sản ngắn hạn	2,150	1,877	2,393	2,920	3,496
TSCĐ hữu hình	450	862	857	666	445
TSCĐ vô hình	0.87	2.44	2.28	2.23	2.17
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	98.5	248	255	275	297
Tổng tài sản dài hạn	550	1,112	1,114	943	744
Tổng cộng tài sản	2,700	2,989	3,507	3,863	4,240
Nợ ngắn hạn	415	515	815	815	815
Phải trả người bán	97.9	82.9	58.5	91.4	88.9
Nợ ngắn hạn khác	187	236	228	246	272
Tổng nợ ngắn hạn	713	863	1,127	1,178	1,206
Nợ dài hạn	0.74	0.84	0.85	0.93	1.01
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.74	0.84	0.85	0.93	1.01
Tổng nợ phải trả	723	873	1,140	1,192	1,221
Vốn chủ sở hữu	1,782	1,924	2,170	2,458	2,789
Lợi ích cổ đông thiểu số	195	192	197	213	230
Tổng vốn chủ sở hữu	1,977	2,116	2,368	2,671	3,019
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,700	2,989	3,507	3,863	4,240
BVPS (đ)	27,252	29,423	33,193	37,596	42,646
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(354)	(69.0)	118	(307)	(837)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	268	311	392	437	483
Khấu hao	(83.2)	(89.4)	(104)	(151)	(151)
Lãi vay thuần	20.8	16.9	11.0	10.3	9.91
Thuế TNDN đã nộp	(1.87)	(8.91)	(11.3)	(12.5)	(13.8)
Thay đổi vốn lưu động	(126)	47.8	(439)	(29.0)	36.0
Khác	(59.7)	(21.9)	(140)	(137)	(118)
LCT thuần từ HKKD	178	435	(65.4)	438	567
Đầu tư TS dài hạn	(278)	(439)	(100)	40.0	70.0
Góp vốn & đầu tư	25.7	(135)	(11.1)	(22.1)	(44.3)
Thanh lý	0.56	0.93	0	0	0
Khác	19.1	57.3	93.8	101	110
LCT thuần từ HĐĐT	(233)	(515)	(17.3)	119	135
Cổ tức trả cho CSH	(98.1)	(142)	(131)	(131)	(131)
Thu từ phát hành CP	682	(0.00)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(29.2)	41.2	326	(1.53)	(42.1)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	555	(101)	196	(132)	(173)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	770	585	698	1,124	1,653
LCT thuần trong kỳ	501	(181)	113	425	530
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.37	(3.48)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,271	401	811	1,549	2,183
Dòng tiền tự do	(99.5)	(3.48)	(165)	478	637

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.2	11.0	11.9	12.1	12.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	6.76	7.03	8.49	9.31	9.28
Tỷ suất LNT (%)	5.14	5.39	6.45	6.62	6.74
Thuế TNDN hiện hành (%)	0.65	2.71	2.80	2.80	2.80
Tăng trưởng doanh thu (%)	17.8	9.67	2.60	8.10	8.10
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	16.1	14.1	23.9	18.5	7.73
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	18.2	15.2	22.7	11.0	10.1
Tăng trưởng EPS (%)	(11.4)	15.2	22.7	11.0	10.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(11.4)	15.2	22.7	11.0	10.1
Tăng trưởng DPS (%)	(20.0)	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	49.0	42.5	34.7	31.2	28.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	18.7	16.6	18.4	18.1	17.6
ROACE (%)	17.4	15.1	17.4	17.3	16.9
Vòng quay tài sản (lần)	2.36	2.00	1.80	1.72	1.69
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.67	1.40	(0.17)	1.00	1.17
Số ngày tồn kho	73.5	66.8	87.0	83.1	74.9
Số ngày phải thu	29.5	20.1	27.8	28.0	27.6
Số ngày phải trả	7.65	5.97	4.14	6.01	5.41
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(19.5)	(2.52)	5.99	(11.9)	(29.4)
Nợ/tài sản (%)	15.6	18.0	23.6	21.5	19.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.20	1.34	1.67	1.41	1.32
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.02	2.18	2.12	2.48	2.90
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.53	0.53	0.55	0.44	0.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.78	7.53	6.45	4.72	3.55
P/E (lần)	11.6	10.0	8.18	7.37	6.70
P/E ĐC (lần)	11.6	10.0	8.18	7.37	6.70
P/B (lần)	1.73	1.60	1.42	1.26	1.11
Lợi suất cổ tức (%)	4.24	4.24	4.24	4.24	4.24

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn